

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2022 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: VLC
- Địa chỉ: 519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 0243.862.1688
- Email: [ir@vilico.vn](mailto:ir@vilico.vn) Website: <https://www.vilico.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC cho năm kết thúc ngày 31/12/2022:
  - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

- Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp có

- Có  Không

Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

- Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp có

- Có  Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10/03/2023 tại đường dẫn: [Vilico.vn/](http://Vilico.vn/) Thông tin cổ đông/ Báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCKT, VT

**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**

**Người được ủy quyền công bố thông tin**



**Lê Huy Bích**  
Giám đốc Tài chính/ CFO

**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI  
VIỆT NAM – CTCP**

-----o0o-----

Số: 32/2023/VLC/CVGT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2023

**Kính gửi:** - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức : **TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**
  - Mã chứng khoán : **VLC**
  - Địa chỉ : 519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
  - Điện thoại liên hệ : 0243.862.1688
  - E-mail: [ir@vilico.vn](mailto:ir@vilico.vn)

- Nội dung thông tin công bố :

Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo tài chính năm 2022 biến động so với năm 2021:

- 2.1. Báo cáo tài chính riêng năm 2022 (Đơn vị tính: VNĐ):

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Thay đổi	Tỷ lệ
Lợi nhuận sau Thuế TNDN	197.739.529.009	92.654.392.332	105.085.136.677	113,42%

Lợi nhuận sau Thuế TNDN Công ty mẹ năm 2022 tăng 105.085.136.677 đồng, tương ứng tăng 113,42% so với năm 2021. Nguyên nhân chính do doanh thu tài chính tăng mạnh so với cùng kỳ, chủ yếu do tiền cổ tức nhận được từ Công ty Cổ phần Giống Bò Sữa Mộc Châu.

- 2.2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 (Đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Thay đổi	Tỷ lệ
Lợi nhuận sau Thuế TNDN	237.541.890.343	213.797.242.905	23.744.647.438	11,11%

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất năm 2022 tăng 23.744.647.438 đồng, tương ứng tăng 11,11% so với năm 2021. Nguyên nhân chính do tỷ lệ lợi nhuận gộp/ doanh thu thuần tăng từ 28,56% (năm 2021) lên 30,69% (năm 2022), tỷ lệ doanh thu hoạt động tài chính/ doanh thu thuần tăng từ 4,8% (năm 2021) lên 5,04% (năm 2022).

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu TCKT, VT

**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**

Người được ủy quyền công bố thông tin



**Lê Huy Bích**

Giám đốc Tài chính/ CFO



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thông tin về Tổng Công ty**

**Các văn bản thành lập** Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất (lần thứ 9) là ngày 29 tháng 4 năm 2022.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch
	Ông Trịnh Quốc Dũng	Thành viên
	Ông Nguyễn Hồng Bách	Thành viên (từ ngày 8/6/2022)
	Ông Lê Thành Liêm	Thành viên (từ ngày 8/6/2022)
	Ông Đỗ Hoàng Phúc	Thành viên (từ ngày 8/6/2022)
	Ông Trần Chí Sơn	Thành viên (đến ngày 8/6/2022)

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Trịnh Quốc Dũng	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Chí Sơn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 20/5/2022)

<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Hà Thị Diệu Thu	Trưởng Ban
	Ông Trịnh Công Sơn	Thành viên
	Ông Trương Anh Vũ	Thành viên (từ ngày 8/6/2022)
	Ông Trịnh Công Tuyền	Thành viên (đến ngày 8/6/2022)

**Trụ sở đăng ký** 519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP** **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trình Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 10-03-2023

10  
03  
2023



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 10-03-2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00143-23-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0557-2023-007-1  
*Phó Tổng Giám đốc*

Hà Nội, **10 -03- 2023**

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2023-007-1

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>853.366.878.351</b>	<b>622.243.290.564</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>26.073.122.145</b>	<b>38.848.075.241</b>
Tiền	111		11.073.122.145	13.848.075.241
Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	25.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>666.000.000.000</b>	<b>567.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	666.000.000.000	567.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>157.654.424.255</b>	<b>15.088.405.915</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.252.593.113	2.346.806.887
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	126.257.445.512	415.273.291
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	33.104.460.630	12.565.325.737
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(3.960.075.000)	(239.000.000)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>37.870.000</b>	<b>55.482.620</b>
Hàng tồn kho	141		37.870.000	55.482.620
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.601.461.951</b>	<b>1.251.326.788</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		207.716.781	147.164.605
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.297.581.332	1.002.474.233
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	14(a)	2.096.163.838	101.687.950

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.710.164.493.319</b>	<b>363.399.547.663</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.200.213.818</b>	<b>18.208.540.148</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	8.990.310.567	18.208.540.148
<i>Nguyên giá</i>	222		56.824.083.340	151.944.761.946
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(47.833.772.773)	(133.736.221.798)
Tài sản cố định vô hình	227		209.903.251	-
<i>Nguyên giá</i>	228		686.582.000	299.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(476.678.749)	(299.000.000)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>10.271.530.741</b>	<b>780.167.941</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	10.271.530.741	780.167.941
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6(b)</b>	<b>1.690.343.735.833</b>	<b>343.933.239.680</b>
Đầu tư vào công ty con	251		1.520.111.636.965	328.647.265.465
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		238.833.528.842	7.933.556.527
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		29.761.912.327	29.761.912.327
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(98.363.342.301)	(22.409.494.639)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>349.012.927</b>	<b>477.599.894</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		349.012.927	450.554.335
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	27.045.559
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>2.563.531.371.670</b>	<b>985.642.838.227</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>188.996.997.865</b>	<b>47.666.540.626</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>188.996.997.865</b>	<b>47.666.540.626</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.608.165.701	1.255.016.170
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.694.893.000	1.469.893.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(b)	847.660.552	2.832.462.819
Phải trả người lao động	314		1.022.493.565	590.036.035
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		182.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	138.222.463.069	5.959.784.769
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	16	2.004.069.120	1.775.143.680
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	42.415.252.858	33.784.204.153
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>2.374.534.373.805</b>	<b>937.976.297.601</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>2.374.534.373.805</b>	<b>937.976.297.601</b>
Vốn cổ phần	411	19	1.723.461.730.000	631.010.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.723.461.730.000	631.010.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		236.741.977.230	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	80.559.835.691	61.102.545.573
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		333.770.830.884	245.863.752.028
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		165.217.237.054	167.107.526.105
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		168.553.593.830	78.756.225.923
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.563.531.371.670</b>	<b>985.642.838.227</b>

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng



Lê Huy Bích  
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Trịnh Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc

**10 -03- 2023**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 02– DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	22	3.631.691.568	3.587.576.373
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	11	23	2.195.654.904	2.172.905.884
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.436.036.664</b>	<b>1.414.670.489</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	219.000.609.374	116.766.808.779
Chi phí tài chính	22	25	4.775.424.052	6.325.491.549
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	18.981.881.963	14.679.600.433
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>196.679.340.023</b>	<b>97.176.387.286</b>
Thu nhập khác	31	27	11.149.053.911	1.416.806.936
Chi phí khác	32	28	10.061.819.366	4.220.071.599
<b>Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.087.234.545</b>	<b>(2.803.264.663)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>197.766.574.568</b>	<b>94.373.122.623</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	-	1.664.639.174
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	27.045.559	54.091.117
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>197.739.529.009</b>	<b>92.654.392.332</b>

Người lập:

  
Hoàng Mạnh Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
Lê Huy Bích  
Giám đốc Tài chính



  
Trịnh Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc

1 0 -03- 2023

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>197.766.574.568</b>	<b>94.373.122.623</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao	02	2.983.122.461	4.326.374.500
Các khoản dự phòng	03	5.004.349.492	6.554.416.989
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(221.539.302.801)	(116.896.596.452)
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(15.785.256.280)</b>	<b>(11.642.682.340)</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(8.849.599.812)	(2.230.259.890)
Biến động hàng tồn kho	10	17.612.620	-
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	131.914.674.938	1.366.949.301
Biến động chi phí trả trước	12	40.989.232	(314.104.159)
		<b>107.338.420.698</b>	<b>(12.820.097.088)</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.664.639.174)	(1.027.082.085)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.097.596.356)	(1.233.946.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>104.576.185.168</b>	<b>(15.081.125.173)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(129.619.198.147)	(775.559.941)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	9.940.433.333	129.787.673
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(581.000.000.000)	(1.073.000.000.000)
Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn	24	772.000.000.000	1.025.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(351.900.000.000)	(57.528.160.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	1.336.500.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	212.002.150.610	156.617.135.320
Tiền thu từ sáp nhập		54.572.246.410	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(14.004.367.794)</b>	<b>51.779.703.052</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2022 VND	2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền trả cổ tức	36	(103.346.770.470)	(37.860.600.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(103.346.770.470)</b>	<b>(37.860.600.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(12.774.953.096)</b>	<b>(1.162.022.121)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	38.848.075.241	40.010.097.362
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>26.073.122.145</b>	<b>38.848.075.241</b>

Người lập:

  
 Hoàng Mạnh Cường  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Huy Bích  
 Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



  
 Trịnh Quốc Dũng  
 Tổng Giám đốc

10-03-2023

## **Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 29 tháng 4 năm 2022.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; và
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 Tổng Công ty có 2 công ty con và 5 công ty liên kết (1/1/2022: 2 công ty con và 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 6(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có 26 nhân viên (1/1/2022: 19 nhân viên).

## **Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được trình bày bằng VND, trừ khi được ghi chú khác.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

### **(a) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

### **(b) Các khoản đầu tư**

#### **(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

## **Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

M.S.C.  
VIỆT NAM



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 30 năm
▪ Máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10 năm
▪ Thiết bị văn phòng	3 – 8 năm

**(f) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

**(g) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – C.T.C.P**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(k) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(n) Thuê tài sản (thuê hoạt động)**

***Các khoản thanh toán tiền thuê***

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty và của công ty mẹ.

**(p) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **4. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị**

Ngày 27 tháng 1 năm 2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho Tổng Công ty đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo Hợp đồng Sáp nhập Công ty Cổ phần GTNfoods (“GTN”), trước đây là Công ty mẹ của Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty sẽ phát hành thêm cổ phiếu của Tổng Công ty cho các cổ đông hiện hữu của GTN để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phiếu GTN đang lưu hành, tỷ lệ hoán đổi là 1,6:1 (cổ đông sở hữu 1,6 cổ phiếu GTN vào ngày chốt quyền sẽ hoán đổi lấy 1 cổ phiếu của Tổng Công ty).

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành công văn số 1720/UBCK-QLCB về việc xác nhận kết quả phát hành theo Báo cáo kết quả phát hành số 21/2022/VLC/CV ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty đã phát hành thành công thêm 156.248.309 cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập với GTN. Sau khi sáp nhập, Tổng Công ty đồng thời thực hiện hủy niêm yết 47.003.136 cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ từ việc hoán đổi cổ phiếu này. Theo đó, GTN đã chính thức được sáp nhập vào Tổng Công ty từ ngày 16 tháng 3 năm 2022 và Tổng Công ty thừa hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của GTN, bao gồm tỷ lệ lợi ích tại các công ty con và công ty liên kết.

<b>Tài sản mang sang</b>	<b>Giá trị tại ngày sáp nhập VND</b>
Tài sản ngắn hạn	355.410.402.313
Tài sản dài hạn	1.000.116.462.298
Nợ phải trả ngắn hạn	405.340.747
Nguồn vốn	1.355.121.523.864

Ngoài ra, không có thay đổi trọng yếu nào khác trong cơ cấu của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

#### **5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
Tiền mặt	17.281.213	11.164.695
Tiền gửi ngân hàng	11.055.840.932	13.836.910.546
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	25.000.000.000
	<b>26.073.122.145</b>	<b>38.848.075.241</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất 6%/năm (1/1/2022: 3,2%/năm).

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>Lãi suất/năm</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	Từ 5,3% đến 11%	510.000.000.000	567.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	9,1%	146.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	9,9%	10.000.000.000	-
		666.000.000.000	567.000.000.000

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>2022</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
<b>Số dư đầu năm</b>	366.342.734.319	22.409.494.639
Tăng do sáp nhập với GTN trong năm	1.070.464.343.815	71.569.800.636
Tăng đầu tư trong năm	351.900.000.000	-
Trích lập dự phòng trong năm	-	4.384.047.026
<b>Số dư cuối năm</b>	1.788.707.078.134	98.363.342.301

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	%	% quyền biểu quyết	31/12/2022		Giá trị hợp lý VND
					Giá gốc VND	Dự phòng VND	
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>							
<b>Công ty con</b>							
▪ Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“MCM”)*	Sơn La	65.229.971	59,30%	59,30%	1.144.751.636.965	-	(***)
▪ Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	Hà Nội	-	51,00%	51,00%	375.360.000.000	-	(***)
					<b>1.520.111.636.965</b>	<b>-</b>	
<b>Công ty liên kết</b>							
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Hải Phòng	491.658	30,00%	30,00%	4.614.583.308	(4.614.583.308)	(***)
▪ Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Hà Nội	-	36,00%	36,00%	3.318.973.219	-	(***)
▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (**)	Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	80.622.827.315	-	(***)
▪ Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (**)	Hà Nội	7.400.000	16,23%	16,23%	82.777.145.000	(28.210.553.284)	(***)
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung (**)	Quảng Nam	6.750.000	40,06%	40,06%	67.500.000.000	(43.243.393.382)	(***)
					<b>238.833.528.842</b>	<b>(76.068.529.974)</b>	

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		31/12/2022		
Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND
<b>Đơn vị khác</b>				
▪ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Ché biến Xuất nhập khẩu	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501 (***)
▪ Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	746.810	5,64%	5,64%	7.467.100.000 (***)
▪ Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826 (***)
				29.761.912.327 (22.294.812.327)
				1.788.707.078.134 (98.363.342.301)

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		1/1/2022					
	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>							
<b>Công ty con</b>							
▪ Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“MCM”)	Sơn La	35.771.572	32,52%	59,30%	305.187.265.465	-	(***)
▪ Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	Hà Nội	-	51,00%	51,00%	23.460.000.000	-	(***)
					328.647.265.465	-	
<b>Công ty liên kết</b>							
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Hải Phòng Hà Nội	491.658 -	30,00% 36,00%	30,00% 36,00%	4.614.583.308 3.318.973.219	(4.614.583.308) -	(***) (***)
▪ Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Hà Nội	-					
					7.933.556.527	(4.614.583.308)	
<b>Đơn vị khác</b>							
▪ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	Hà Nội	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(***)
▪ Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	Lâm Đồng	746.810	5,64%	5,64%	7.467.100.000	-	(***)
▪ Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung Ương	Hà Nội	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(13.109.482.830)	(***)
					29.761.912.327	(17.794.911.331)	
					366.342.734.319	(22.409.494.639)	



## Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (\*) Như trình bày ở Thuyết minh 4, GTN đã được sáp nhập vào Tổng Công ty vào ngày 16 tháng 3 năm 2022. Sau sáp nhập, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu do GTN trực tiếp nắm giữ trước đây được Tổng Công ty kế thừa. Theo đó, giá trị và tỷ lệ sở hữu của khoản đầu tư vào MCM của Tổng Công ty được tăng lên sau sáp nhập.
- (\*\*) Các công ty liên kết do GTN trực tiếp sở hữu trước đây đã được chuyển sang cho Tổng Công ty sở hữu sau khi GTN được sáp nhập vào Tổng Công ty vào ngày 16 tháng 3 năm 2022.

Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP dưới 20%. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP thông qua việc Tổng Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP được trình bày trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.

- (\*\*\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường hoặc khối lượng giao dịch thấp cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	420.108.620	420.108.620
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	186.109.653	170.046.093
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển TNS Việt Nam	1.262.367.484	1.370.473.574
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Cát Linh	239.000.000	239.000.000
Các khách hàng khác	145.007.356	147.178.600
	<hr/>	<hr/>
	2.252.593.113	2.346.806.887

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Maeda Việt Nam	118.800.000.000	-
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	3.721.075.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	3.736.370.512	415.273.291
	<hr/>	
	126.257.445.512	415.273.291
	<hr/>	

**9. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	13.200.000.000	-
<b>Bên thứ ba</b>		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	528.800.000	528.800.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	17.097.316.439	10.098.857.675
Phải thu người lao động	941.902.349	698.039.154
Phải thu về thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	957.600.000	957.600.000
Phải thu về cổ phần hóa	79.100.000	79.100.000
Phải thu khác	299.741.842	202.928.908
	<hr/>	
	33.104.460.630	12.565.325.737
	<hr/>	

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ khó có khả năng thu hồi</i>				
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS (*)	3.721.075.000	(3.721.075.000)	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Cát Linh	239.000.000	(239.000.000)	-	(239.000.000)
	3.960.075.000	(3.960.075.000)	-	(239.000.000)
<i>Trong đó:</i>				
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn		(3.960.075.000)		(239.000.000)

(\*) Khoản nợ khó có khả năng thu hồi này được mang sang từ GTN sau khi GTN sáp nhập vào Tổng Công ty.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	122.348.580.780	25.254.415.004	4.209.064.708	132.701.454	151.944.761.946
Tăng do sáp nhập	-	-	1.467.313.818	193.400.000	1.660.713.818
Thanh lý	(76.936.689.319)	(18.943.687.717)	(901.015.388)	-	(96.781.392.424)
Số dư cuối năm	45.411.891.461	6.310.727.287	4.775.363.138	326.101.454	56.824.083.340
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	107.538.330.629	22.751.799.152	3.313.390.563	132.701.454	133.736.221.798
Khấu hao trong năm	1.466.035.649	1.067.749.286	391.033.780	22.624.997	2.947.443.712
Tăng do sáp nhập	-	-	358.984.778	170.775.003	529.759.781
Thanh lý	(69.949.360.238)	(18.529.276.892)	(901.015.388)	-	(89.379.652.518)
Số dư cuối năm	39.055.006.040	5.290.271.546	3.162.393.733	326.101.454	47.833.772.773
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	14.810.250.151	2.502.615.852	895.674.145	-	18.208.540.148
Số dư cuối năm	6.356.885.421	1.020.455.741	1.612.969.405	-	8.990.310.567

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có tài sản có nguyên giá 26.832 triệu VND (1/1/2022: 68.841 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	780.167.941	4.608.000
Tăng trong năm	9.491.362.800	775.559.941
	10.271.530.741	780.167.941

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện dự án đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối tại Huyện Tam Đảo, Tỉnh Vĩnh Phúc.

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	18.501.385.244	3.700.277.049	-	-

Lỗ tính thuế được mang sang từ GTN sau khi GTN sáp nhập vào Tổng Công ty. Khoản lỗ này đã được quyết toán và hết hiệu lực vào năm 2024.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2022 VND	Tăng do sáp nhập VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn lại/bù trừ trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2.571.622	-	-	-	2.571.622
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.093.340.566	-	-	2.093.340.566
Thuế thu nhập cá nhân	251.650	-	-	-	251.650
Thuế nhà đất	98.864.678	-	1.772.129.575	(1.870.994.253)	-
	101.687.950	2.093.340.566	1.772.129.575	(1.870.994.253)	2.096.163.838

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ bù trừ trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	41.131.718	14.192.549.073	(14.155.927.221)	77.753.570
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.664.639.174	-	(1.664.639.174)	-
Thuế thu nhập cá nhân	468.945.867	2.128.208.681	(2.484.026.572)	113.127.976
Thuế nhà đất	656.746.060	1.368.208.566	(1.368.175.620)	656.779.006
Các loại thuế khác	1.000.000	8.000.000	(9.000.000)	-
	2.832.462.819	17.696.966.320	(19.681.768.587)	847.660.552

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Kinh phí công đoàn	290.567.680	177.130.460
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	135.000.000	135.000.000
Nhận tiền tạm ứng từ Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (*)	132.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.796.895.389	5.647.654.309
	138.222.463.069	5.959.784.769

- (\*) Theo thỏa thuận khung về đầu tư được ký kết ngày 5 tháng 9 năm 2022 giữa Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP, Sojitz Corporation (Nhà đầu tư của Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật), Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Công ty mẹ của Tổng Công ty), và Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (Công ty con của Tổng Công ty), Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP sẽ là chủ đầu tư của dự án đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối (“Dự án”) tại Huyện Tam Đảo, Tỉnh Vĩnh Phúc. Trong giai đoạn đầu tư tiếp theo, sau khi việc xây dựng dự án được hoàn thành và Dự án đáp ứng đủ điều kiện để chuyển nhượng, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP dự kiến chuyển nhượng Dự án cho Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật. Phần vốn góp để thực hiện dự án là phần vốn góp chung của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP và Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật. Ngày 19 tháng 12 năm 2022, Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật đã thực hiện tạm ứng trước theo thỏa thuận cho Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP để thực hiện Dự án.

**16. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng tiền thuê đất đang được tạm tính theo đơn giá do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành cho giai đoạn từ tháng 7 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 do khu đất đang sử dụng chưa có hợp đồng thuê và thông báo nộp tiền thuê đất để làm căn cứ xác định nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	33.784.204.153	24.892.385.972
Trích lập trong năm	9.728.645.061	10.125.764.181
Sử dụng trong năm	(1.097.596.356)	(1.233.946.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	42.415.252.858	33.784.204.153
	<hr/>	<hr/>



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2021</b>	631.010.000.000	-	40.851.017.209	221.447.252.241	893.308.269.450
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	92.654.392.332	92.654.392.332
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	20.251.528.364	(20.251.528.364)	-
Cổ tức	-	-	-	(37.860.600.000)	(37.860.600.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(10.125.764.181)	(10.125.764.181)
<b>Số dư tại ngày 1/1/2022</b>	631.010.000.000	-	61.102.545.573	245.863.752.028	937.976.297.601
Phát hành thêm cổ phiếu để thực hiện sáp nhập với GTN	1.562.483.090.000	-	-	-	1.562.483.090.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	197.739.529.009	197.739.529.009
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	19.457.290.118	(19.457.290.118)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(9.728.645.061)	(9.728.645.061)
Trả cổ tức	-	-	-	(103.407.703.800)	(103.407.703.800)
Tặng/(giảm) do sáp nhập	(470.031.360.000)	236.741.977.230	-	22.761.188.826	(210.528.193.944)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	1.723.461.730.000	236.741.977.230	80.559.835.691	333.770.830.884	2.374.534.373.805

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-VLC ĐHCĐ/2022 ngày 8 tháng 6 năm 2022, Tổng Công ty trích lập Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 với tỷ lệ 10% tương ứng với số tiền 19.457.290.118 VND (2021: 9.265.444.273 VND) và Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 với tỷ lệ 5% tương ứng với số tiền 9.728.645.061 VND (2021: 4.632.722.136 VND).

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## 19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	172.346.173	1.723.461.730.000	63.101.000	631.010.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	172.346.173	1.723.461.730.000	63.101.000	631.010.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	172.346.173	1.723.461.730.000	63.101.000	631.010.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua nghị quyết số 02/2021/VLC/NQ-ĐHĐCĐ phê duyệt phương án sáp nhập và dự thảo Hợp đồng Sáp nhập Công ty Cổ phần GTNfoods (“GTN”), Công ty mẹ của Tổng Công ty vào Tổng Công ty theo phương án phát hành thêm cổ phiếu của Tổng Công ty cho các cổ đông của GTN để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phiếu của GTN đang lưu hành, tỉ lệ hoán đổi 1,6:1.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã phát hành công văn số 1270/UBCK-QLCB về việc xác nhận kết quả phát hành theo Báo cáo kết quả phát hành số 21/2022/VLC/CV ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Tổng Công ty, theo đó Tổng Công ty đã phát hành thành công thêm 156.248.309 cổ phiếu hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập với GTN và hủy 47.003.136 cổ phiếu, chi tiết như sau:

	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	63.101.000	631.010.000.000
Phát hành cổ phiếu để hoán đổi	156.248.309	1.562.483.090.000
Số cổ phiếu bị hủy niêm yết sau sáp nhập	(47.003.136)	(470.031.360.000)
	172.346.173	1.723.461.730.000

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.319.255.984	3.061.851.736
Từ hai đến năm năm	10.925.962.145	11.008.552.445
Trên năm năm	54.571.898.942	57.303.389.478
	<hr/>	<hr/>
	68.817.117.071	71.373.793.659

**22. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Cung cấp dịch vụ	3.631.691.568	3.587.576.373

**23. Giá vốn dịch vụ đã cung cấp**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.195.654.904	2.172.905.884

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Cổ tức được chia	166.135.099.500	86.873.645.700
Lãi tiền gửi và cho vay	52.865.509.874	29.417.846.198
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	-	475.316.881
	<hr/> 219.000.609.374	<hr/> 116.766.808.779 <hr/>

**25. Chi phí tài chính**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Dự phòng đầu tư tài chính	4.775.424.052	6.325.491.549
	<hr/>	<hr/>

**26. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	8.577.812.971	4.826.846.517
Chi phí khấu hao	508.983.933	355.578.784
Thuế, phí và lệ phí	1.963.866.427	2.371.363.039
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.874.394.169	6.091.179.543
Chi phí bằng tiền khác	2.056.824.463	1.034.632.550
	<hr/> 18.981.881.963	<hr/> 14.679.600.433 <hr/>

**27. Thu nhập khác**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	9.940.433.333	72.727.273
Thu nhập khác	1.208.620.578	1.344.079.663
	<hr/> 11.149.053.911	<hr/> 1.416.806.936 <hr/>

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Chi phí khác**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí khấu hao các tài sản tạm thời không sử dụng	1.799.078.558	3.487.214.251
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	7.401.739.906	-
Chi phí khác	861.000.902	732.857.348
	<hr/>	<hr/>
	10.061.819.366	4.220.071.599

**29. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	8.577.812.971	4.826.846.517
Chi phí khấu hao	1.184.043.903	839.160.249
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.741.414.545	7.780.503.962
Chi phí khác	3.855.903.021	3.405.995.589
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	-	1.664.639.174
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.045.559	54.091.117
	<hr/>	<hr/>
	27.045.559	1.718.730.291
	<hr/>	<hr/>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	197.766.574.568	94.373.122.623
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	39.553.314.914	18.874.624.525
Chi phí không được khấu trừ	488.874.603	932.251.695
Thu nhập không bị tính thuế	(33.227.019.900)	(17.374.729.140)
Ưu đãi thuế	-	(713.416.789)
Lỗ tính thuế đã được sử dụng bởi GTN	(884.537.410)	-
Lỗ tính thuế được sử dụng	(5.903.586.648)	-
	<hr/>	<hr/>
	27.045.559	1.718.730.291
	<hr/>	<hr/>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<i>Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam</i>		
Chi trả cổ tức	70.312.500.000	-
<b>Công ty con</b>		
<i>Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu</i>		
Bán hàng hóa, dịch vụ	719.594.858	705.558.311
Mua cổ phần	-	34.068.160.000
Cổ tức được chia	163.075.099.500	89.428.758.000
<i>Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật</i>		
Góp vốn	351.900.000.000	23.460.000.000
Cung cấp dịch vụ	-	420.108.620
Nhận tạm ứng về chuyển nhượng dự án	132.000.000.000	-
<b>Công ty liên quan khác</b>		
<i>Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội</i>		
Thu nhập từ lợi nhuận được chia	3.060.000.000	-

**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Thù lao và lương của người quản lý chủ chốt**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
<b>Thành viên Hội đồng quản trị</b>		
<b><i>Tổng thù lao</i></b>	<b>364</b>	<b>240</b>
Bà Mai Kiều Liên - Chủ tịch	60	96
Ông Trịnh Quốc Dũng - Thành viên	96	72
Ông Trần Chí Sơn - Thành viên (đến ngày 8/6/2022)	40	72
Ông Lê Thành Liêm (từ ngày 8/6/2022)	56	-
Ông Nguyễn Hồng Bách (từ ngày 8/6/2022)	56	-
Ông Đỗ Hoàng Phúc (từ ngày 8/6/2022)	56	-
<b>Ban Giám đốc</b>		
<b><i>Tổng thù lao</i></b>		
Nguyễn Đăng Khoa	276	182
Trần Chí Sơn (từ ngày 20/5/2022)	194	
Trịnh Quốc Dũng	527	307
<b>Ban Kiểm soát</b>		
<b><i>Tổng thù lao</i></b>	<b>228</b>	<b>168</b>
Bà Hà Thị Diệu Thu - Trưởng Ban kiểm soát	96	72
Ông Trịnh Công Sơn - Thành viên	78	48
Ông Trịnh Công Tuyền - Thành viên (đến ngày 8/6/2022)	6	48
Ông Trương Anh Vũ (từ ngày 8/6/2022)	48	-



**Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**32. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Xóa sổ khoản phải thu về cho vay và dự phòng phải thu tương ứng	-	150.000.000
<b>Tăng tài sản do sáp nhập GTN</b>		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	290.000.000.000	-
Tài sản cố định hữu hình	1.130.954.037	-
Đầu tư góp vốn vào công ty con	839.564.371.500	-
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	230.899.972.315	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(71.569.800.636)	-
<b>Tăng vốn do sáp nhập</b>		
Vốn cổ phần	1.092.451.730.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	236.741.977.230	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.761.188.826	-

**33. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Người lập:

  
 Hoàng Mạnh Cường  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
 Lê Huy Bích  
 Giám đốc Tài chính



  
 Trịnh Quốc Dũng  
 Tổng Giám đốc



10 -03- 2023